

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2020
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Tấn Lộc

Bà Đồng Thị Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Huyền T**, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Nhật C**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị Huyền T trình bày: Chị và anh Nguyễn Nhật C kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 105/2015, quyển số 01/2015 ngày 28/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, anh chị thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Nhật C.

Con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 18/9/2010 và Nguyễn Nhật C, sinh ngày 02/8/2018, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Nhật C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc chị T xin ly hôn với anh, chị T cũng có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Huyền Trang được ly hôn với anh C, giao cháu Nguyễn Nhật C và Nguyễn Nhật C cho chị T trực tiếp nuôi, anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Huyền T có đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Nhật C theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C chung sống với nhau như vợ chồng trước năm 2010, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 105/2015, quyển số 01/2015 ngày 28/8/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, chị T khai do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, có sự khác biệt trong cách sống và quan điểm sống, mặc dù đã được nhiều lần hòa giải nhưng anh chị không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh C thật sự trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị T cương quyết xin ly hôn, còn anh C thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn với anh, điều này chứng tỏ anh chị không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Con chung: Có hai cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 18/9/2010 và

Nguyễn Nhật C, sinh ngày 02/8/2018. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại hai cháu đang sống với chị T tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, tại bản tự khai cháu Phát cũng có nguyện vọng ở với mẹ, còn cháu Trang thì chưa đủ 3 tuổi nên Hội đồng xét xử giao hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi cho các cháu, anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Huyền T và anh Nguyễn Nhật C được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Huyền T.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Nhật C.

2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 18/9/2010 và Nguyễn Nhật C, sinh ngày 02/8/2018 cho chị Trương Thị Huyền T trực tiếp nuôi, anh Nguyễn Nhật C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Nhật C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Trương Thị Huyền T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005169 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Như vậy, chị Trương Thị Huyền T đã thi hành xong phần án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- UBND xã Ngũ Hiệp.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phụng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cai Lậy, ngày 30 tháng 7 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 20 phút, ngày 30 tháng 7 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Tấn Lộc

Bà Đồng Thị Mười

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Huyền T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Nhật C**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Huyền T.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Nhật C.

2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 18/9/2010 và Nguyễn Nhật C, sinh ngày 02/8/2018 cho chị Trương Thị Huyền T trực tiếp nuôi, anh Nguyễn Nhật C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Nhật C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Thông nhất 3/3 (100%).

3. Án phí: Chị Trương Thị Huyền T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005169 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Như vậy, chị Trương Thị Huyền T đã thi hành xong phần án phí.

Thông nhất 3/3 (100%).

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Thông nhất 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 7 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA